

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Số: 723/BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: mua sắm thiết bị cho Khoa Xét Nghiệm.
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Trọn gói
5. Địa điểm thực hiện: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 15. giờ, ngày 04/04/2023.
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM.

Người liên hệ: CN. Phạm Đức Minh

Số điện thoại: 028 3952 5140

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (K19-095-pdminh) (02).



Phạm Văn Tấn



PHỤ LỤC 1. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số 723./BVĐHYD-VTTB ngày 23 tháng 03 năm 2023)

STT	Danh mục mời chào giá	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Kính hiển vi quang học 2 mắt	Chi tiết theo Phụ lục 2	Cái	01
2	Máy ly tâm ≥ 6.000 vòng/phút		Cái	01
3	Máy ly tâm ≥ 15.000 vòng/phút		Cái	01
4	Máy đo áp lực thẩm thấu		Cái	01



PHỤ LỤC 2. CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 723/BVĐHYD-VTTB ngày 22 tháng 03 năm 2023)

1. Kính hiển vi quang học 2 mắt

STT	Cấu hình tiêu chuẩn		Đơn vị tính	Số lượng
1	Yêu cầu chung	- Thiết bị mới 100%. Sản xuất từ năm 2022 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương. - Điện áp 220-240V, 50Hz. - Môi trường hoạt động: • Nhiệt độ tối đa đến: ≥ 30 độ C • Độ ẩm tối đa đến: $\geq 75\%$ - Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng		
2	Yêu cầu cấu hình	- Thân kính	01	Cái
		- Nguồn sáng LED	01	Cái
		- Thị kính 10x	01	Cái
		- Vật kính 4x	01	Cái
		- Vật kính 10x	01	Cái
		- Vật kính 40x	01	Cái
		- Vật kính 100x	01	Cái
		- Tụ quang	01	Cái
		- Bao đựng máy	01	Cái
		- Dây điện nguồn	01	Cái
		- Dầu soi	01	Cái
		- Tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu kỹ thuật (user manual hoặc service manual) tiếng Việt và tiếng Anh	01	Bộ
3	Máy chính	- Hệ thống quang học: Vô cực	01	Cái

STT	Cấu hình tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
	- Đầu quan sát hai thị kính. Điều chỉnh khoảng cách giữa hai đồng từ $\leq 50 - \geq 75$ mm. Có vòng chỉnh độ diop. - Thị kính chống mốc 10X, quang trường rộng ≥ 20 mm, có điều chỉnh độ Diop - Ổ gắn vật kính: Dạng mâm xoay, có ≥ 4 vị trí lắp vật kính. - Vật kính: + Vật kính phẳng chống mốc 4X góc mở ≥ 0.10, khoảng cách làm việc ≥ 25 mm; + Vật kính phẳng chống mốc 10X góc mở ≥ 0.25, khoảng cách làm việc ≥ 8 mm; + Vật kính phẳng chống mốc 40X góc mở ≥ 0.65, khoảng cách làm việc ≥ 0.6 mm; + Vật kính phẳng chống mốc 100X dầu góc mở ≥ 1.25, khoảng cách làm việc ≥ 0.1 mm; - Bàn để mẫu có bộ phận giữ mẫu và dịch chuyển mẫu theo hai chiều X-Y. - Núm chỉnh di chuyển loại đồng trục bố trí bên phải. Hành trình di chuyển mẫu: $X \times Y \geq (70 \times 30)$ mm - Hộp tụ quang: Có độ mở ≥ 1.25 dùng cho kỹ thuật trường sáng, có ≥ 6 mức độ điều chỉnh màn chắn sáng, có núm dịch chuyển hộp tụ quang lên xuống - Nguồn sáng: Đèn LED, công suất ≥ 0.5 W, tuổi thọ dài ≥ 20.000 giờ Điều chỉnh tiêu cự: + Giới hạn điều chỉnh tiêu cự ≥ 15 mm. + Độ chính xác của điều chỉnh tiêu cự tính là $\leq 2.5\mu\text{m}$. + Điều chỉnh tinh ≤ 0.3 mm/ vòng quay.		

2. Máy ly tâm ≥ 6.000 vòng/phút

STT	Cấu hình tiêu chuẩn		Đơn vị tính	Số lượng
1	Yêu cầu chung	- Thiết bị mới 100%. Sản xuất từ năm 2022 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương. - Điện áp 220-240V, 50Hz. - Môi trường hoạt động: • Nhiệt độ tối đa đến: ≥ 30 độ C • Độ ẩm tối đa đến: $\geq 75\%$ - Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng		
2	Yêu cầu cấu hình	- Rotor văng	01	Cái
		- Giỏ chứa adapter	01	Cái
		- Adapter cho ống 5ml	01	Cái
		- Adapter cho ống 15ml	01	Cái
		- Tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu kỹ thuật (user manual hoặc service manual) tiếng Việt và tiếng Anh	01	Bộ
3	Máy chính	- Rotor văng dễ dàng thay đổi cho phù hợp với dung tích ống ly tâm mong muốn. - Có tính năng nhận diện rotor tự động. - Tính năng an toàn tối thiểu có: ngưng hoạt động khi không cân bằng, khóa nắp an toàn. - Buồng ly tâm được chế tạo bằng thép không gỉ. - Động cơ không sử dụng chổi than. - Có âm báo khi kết thúc ly tâm hoặc báo lỗi. - Có cửa quan sát Rotor bên trong. - Điều chỉnh thông số cài đặt bằng nút vặn/nút nhấn. - Màn hình LCD hiển thị: tốc độ, thời gian. - Tốc độ ly tâm tối thiểu ≤ 500 vòng/phút.	01	Cái

STT	Cấu hình tiêu chuẩn		Đơn vị tính	Số lượng
		- Tốc độ ly tâm tối đa ≥ 6.000 vòng/phút. - Lực ly tâm cực đại ≥ 4.000 RCF. - Thời gian ly tâm tối thiểu ≤ 1 phút. - Thời gian ly tâm tối đa ≥ 90 phút. - Dung tích ly tâm tối đa $\geq 4 \times 100\text{ml}$. - Độ ồn khi hoạt động < 60 dB.		

3. Máy ly tâm ≥ 15.000 vòng/phút

STT	Cấu hình tiêu chuẩn		Đơn vị tính	Số lượng
1	Yêu cầu chung	- Thiết bị mới 100%. Sản xuất từ năm 2022 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương. - Điện áp 220-240V, 50Hz. - Môi trường hoạt động: • Nhiệt độ tối đa đến: ≥ 30 độ C • Độ ẩm tối đa đến: $\geq 75\%$ - Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng		
2	Yêu cầu cấu hình	- Rotor văng	01	Cái
		- Giỏ chứa adapter	04	Cái
		- Adapter cho ống 5ml	06	Cái
		- Adapter cho ống 15ml	02	Cái
		- Tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu kỹ thuật (user manual hoặc service manual) tiếng Việt và tiếng Anh	01	Bộ
3	Máy chính	- Rotor văng dễ dàng thay đổi cho phù hợp với dung tích ống ly tâm mong muốn. - Có tính năng nhận diện rotor tự động. - Tính năng an toàn tối thiểu có: ngưng hoạt động khi không cân bằng, khóa nắp an toàn.	01	Cái

STT	Cấu hình tiêu chuẩn		Đơn vị tính	Số lượng
		- Buồng ly tâm được chế tạo bằng thép không gỉ. - Động cơ không sử dụng chổi than. - Có âm báo khi kết thúc ly tâm hoặc báo lỗi. - Có cửa quan sát Rotor bên trong. - Điều chỉnh thông số cài đặt bằng nút vặn/nút nhấn. - Màn hình LCD hiển thị: tốc độ, thời gian. - Tốc độ ly tâm tối thiểu ≤ 500 vòng/phút. - Tốc độ ly tâm tối đa ≥ 15.000 vòng/phút. - Lực ly tâm cực đại ≥ 24.000 RCF. - Thời gian ly tâm tối thiểu ≤ 1 phút. - Thời gian ly tâm tối đa ≥ 90 phút. - Dung tích ly tâm tối đa $\geq 4 \times 290\text{ml}$. - Độ ồn khi hoạt động < 60 dB.		

4. Máy đo áp lực thẩm thấu

STT	Cấu hình tiêu chuẩn		Đơn vị tính	Số lượng
1	Yêu cầu chung	- Thiết bị mới 100%. Sản xuất từ năm 2022 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương. - Điện áp 220-240V, 50Hz. - Môi trường hoạt động: • Nhiệt độ tối đa đến: ≥ 30 độ C • Độ ẩm tối đa đến: $\geq 75\%$ - Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng		
2	Yêu cầu cấu hình	- Pipette	01	Cái
		- Cồng đo dùng 1 lần	100	Cái
		- Ống chất chuẩn 300 mOsmol/kg	10	Ống

STT	Cấu hình tiêu chuẩn		Đơn vị tính	Số lượng
		- Ống chất chuẩn 850 mOsmol/kg	10	Ống
		- Ống chất chuẩn 2000 mOsmol/kg	10	Ống
		- Cầu chì dự phòng	02	Cái
		- Dụng cụ mở ống	01	Cái
		- Tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu kỹ thuật (user manual hoặc service manual) tiếng Việt và tiếng Anh	01	Bộ
3	Máy chính	- Màn hình hiển thị LCD cảm ứng 5.7" - Quá trình tinh thể hóa: đầu tip của kim bằng thép không gỉ bao phủ các tinh thể băng, được điều khiển tự động - Làm lạnh: Bảng 2 hệ thống peltier tách biệt, tản nhiệt bằng không khí - Hệ thống làm lạnh với điều khiển nhiệt điện tử, mức chia $< \pm 0.1^{\circ}\text{C}$ - Thể tích mẫu: 50uL - Thời gian đo: 1 phút - Đo mẫu đơn - Đơn vị đo: mOsmol/kg H₂O - Độ phân giải: 1 mOsmol/kg H₂O - Dải đo: lên đến 3000 Osmol/Kg - Giao tiếp: cổng nối tiếp DTE RS-232, USB và cổng quét mã vạch - Độ sai số tuyến tính ít hơn $\pm 1\%$ - Độ lặp lại: $< \pm 2$ digit [0... 400] mOsmol /kg HMO, $< \pm 0.5\%$ [400...3000] mOsmol /kg HMO	01	Cái

